

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25-11-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thùy Linh;
2. Bà Chu Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 129/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2022/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị B, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nông Văn T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/8/2022, các lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Vi Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị B và anh Nông Văn T không được tự do tìm hiểu nhau, mà quen biết do mai mối và được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2003. Anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Vợ chồng

chung sống không hạnh phúc vì tính cách không hòa hợp, không hiểu nhau, không cùng quan điểm sống. Anh Nông Văn T không tu chí làm ăn, không chăm lo cho vợ con dù chị Vi Thị B đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Nông Văn T nhiều lần đánh đập chị Vi Thị B. Sau nhiều năm chịu đựng vì con đến năm 2019 chị Vi Thị B đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ và làm đơn ly hôn. Quá trình giải quyết ly hôn vào năm 2019 anh Nông Văn T đến nhà xin lỗi và hứa sẽ thay đổi nên chị Vi Thị B đã rút đơn ly hôn. Nhưng anh Nông Văn T chỉ thay đổi được một thời gian ngắn, tuy không còn đánh chị nữa nhưng thường xuyên chửi bới, túm tóc và đăng bài viết xúc phạm chị Vi Thị B trên các trang mạng xã hội. Vì quá áp lực về tinh thần nên chị Vi Thị B đi làm công nhân ở Bắc Giang từ năm 2020 đến nay, thỉnh thoảng chị về nhà thăm con, không còn chung sống với anh Nông Văn T nữa. Thời gian vợ chồng không chung sống thì chị và anh Nông Văn T cũng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay, chị Vi Thị B xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với anh Nông Văn T nữa. Chị Vi Thị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Văn T.

Về con chung: Chị Vi Thị B và anh Nông Văn T có 02 con chung là cháu Nông Trung H, sinh ngày 02/7/2004 đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết; cháu Nông Xuân Q, sinh ngày 16/4/2007. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Nông Xuân Q đang sống với anh Nông Văn T và học lớp 10 tại Trường THPT Lộc Bình, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do chị Vi Thị B chưa có chỗ ở riêng và thu nhập ổn định nên khi ly hôn chị Vi Thị B yêu cầu anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Nông Xuân Q cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nông Xuân Q định kỳ hàng tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi, kể từ ngày 01/01/2023.

Quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai.

Bị đơn anh Nông Văn T đã được biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình do chị Vi Thị B và Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn thông báo nhưng anh Nông Văn T không hợp tác, không cung cấp ý kiến, lời khai cho Tòa án để giải quyết vụ án. Tại biên bản làm việc ngày 25/10/2022, trưởng Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cung cấp thông tin: Vợ chồng anh Nông Văn T và chị Vi Thị B có mâu thuẫn trầm trọng từ lâu, thường xuyên cãi chửi nhau, chị Vi Thị B từng viết đơn ly hôn vào năm 2019. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nông Văn T và chị Vi Thị B đã được thôn hòa giải hai lần. Đến năm 2020-2021 vợ chồng anh Nông Văn T, chị Vi Thị B lại tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng thì thôn có hòa giải nhưng không được. Từ đó, chị Vi Thị B bỏ đi làm ăn xa ít khi về nhà.

Tại bản tự khai ngày 03/11/2022, cháu Nông Xuân Q trình bày cháu đang sống với bố và nếu bố mẹ ly hôn thì cháu mong muốn được ở cùng với bố là anh Nông Văn T.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nông Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Vi Thị B và anh Nông Văn T kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, yêu thương nhau. Năm 2019 chị Vi Thị B đã yêu cầu ly hôn nhưng đã rút đơn. Sau đó, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Thời gian ly thân, hai bên không có hành động gì để hàn gắn tình cảm. Chị Vi Thị B xin ly hôn với anh Nông Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Vi Thị B được ly hôn với anh Nông Văn T.

Về con chung: Chị Vi Thị B và anh Nông Văn T có 02 con chung là cháu Nông Trung H, sinh ngày 02/7/2004 và cháu Nông Xuân Q, sinh ngày 16/4/2007. Cháu Nông Trung H đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không mất khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Xét thấy cháu Nông Xuân Q hiện đang sống với Nông Văn T và có nguyện vọng được sống cùng với anh Nông Văn T sau khi bố mẹ ly hôn. Chị Vi Thị B chưa có chỗ ở và thu nhập ổn định nên không đảm bảo điều kiện nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nông Xuân Q là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi từ ngày 01/01/2023. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Nông Xuân Q, sinh ngày 16/4/2007 cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi; ghi nhận sự tự nguyện của chị Vi Thị B về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nông Xuân Q định kỳ hằng tháng là 1.000.000 đồng từ ngày 01/01/2023 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nông Văn T đã được Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nông Văn T.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nông Văn T, cư trú tại Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị B và anh Nông Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 18/4/2005. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Vi Thị B và anh Nông Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Chị Vi Thị B đã từng yêu cầu ly hôn vào năm 2019 nhưng rút đơn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng sau đó, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn và ly thân từ năm 2020 đến nay. Thời gian ly thân, không ai có hành động hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm gì đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Vi Thị B và anh Nông Văn T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng hàn gắn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Vi Thị B là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Vi Thị B và anh Nông Văn T có 02 con chung là cháu Nông Trung H, sinh ngày 02/7/2004 và cháu Nông Xuân Q, sinh ngày 16/4/2007. Cháu Nông Trung H đã trên 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không bị mất khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Xét thấy, từ khi chị Vi Thị B và anh Nông Văn T ly thân năm 2020 đến nay, cháu Nông Xuân Q vẫn sống cùng anh Nông Văn T tại Thôn C, xã Y, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; bản thân cháu Nông Xuân Q có nguyện vọng được sống cùng anh Nông Văn T. Bên cạnh đó, chị Vi Thị B không đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con vì chị Vi Thị B không có chỗ ở, không có việc làm và thu nhập ổn định. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, cần giao cháu Nông Xuân Q, sinh ngày 16/4/2007 cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Vi Thị B về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nông Xuân Q định kỳ hằng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) từ ngày 01/01/2023 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vi Thị B trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vi Thị B được ly hôn với anh Nông Văn T. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 06 đăng ký ngày 18/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nông Xuân Q, sinh ngày 16/4/2007 cho anh Nông Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Vi Thị B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) kể từ ngày 01/01/2023 đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Vi Thị B thực hiện quyền này.

3. Về lãi suất chậm trả: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Vi Thị B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Vi Thị B đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005180 ngày 02/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chị Vi Thị B phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Huyền Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang